

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
“Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum”

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII, Kỳ họp thứ 4

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Chăn nuôi 2018; Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND¹ ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Thực hiện Thông báo kết luận số 04/TB-TTHĐND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽¹⁾ Quy định cụ thể về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh: Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận phạm vi di chuyển.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo đánh giá tác động của các chính sách về “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum” với nội dung sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Chăn nuôi giữ vai trò, vị trí quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh, tỷ trọng chăn nuôi ngày càng tăng trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp và là nguồn cung cấp thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao như: thịt, trứng, sữa ... cho con người; nguồn phân bón hữu cơ phục vụ cho sản xuất; cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người dân, góp phần giảm nghèo bền vững, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Ngành chăn nuôi của tỉnh Kon Tum đã hình thành một số mô hình chăn nuôi liên kết có hiệu quả kinh tế cao và phát triển theo hướng chăn nuôi hàng hoá, chăn nuôi trang trại quy mô lớn, ...

- Hiện nay, để phát triển chăn nuôi của địa phương theo hướng bền vững, hình thành vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư. Nhằm hạn chế, phát sinh, lây lan dịch bệnh từ động vật qua người và cung cấp các sản phẩm chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh,... Việc di dời cơ sở chăn nuôi trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum là cần thiết và phù hợp theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

a) Khái quát về tình hình chăn nuôi⁽²⁾

Chăn nuôi gia súc (trâu, bò, gia súc ăn cỏ...): khoảng 109.165 con; chăn nuôi lợn khoảng 155.010 con, chăn nuôi gia cầm khoảng 1.868.000 con và khoảng 49 cơ sở nuôi chim yến.

Trong đó, chăn nuôi bò trang trại quy mô vừa: 01 trang trại (số lượng từ 120-200 con bò); chăn nuôi lợn trang trại quy mô lớn: 8 trang trại (từ 1.500-2.500 con); chăn nuôi lợn trang trại quy mô 92 cơ sở chăn nuôi lợn với quy mô vừa và nhỏ từ 50 - 1.500 con/ cơ sở; chăn nuôi gia cầm trang trại quy mô vừa và nhỏ: 36 trang trại (số lượng từ 2.000 - 32.000 con/cơ sở) và chăn nuôi dê trang trại quy mô lớn (7.000 con); chăn nuôi nông hộ khoảng 12.351 hộ, với số lượng trâu, bò <100 con/hộ; lợn với số lượng <50 con/hộ, gia cầm với số lượng < 2.000 con/hộ, có khoảng 49 cơ sở nuôi chim yến có quy mô khoảng 80m²/cơ sở.

b) Hiện trạng

⁽²⁾ Theo khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Theo báo cáo rà soát của các huyện, thành phố đã tổng hợp trên địa bàn tỉnh Kon Tum, hiện tại trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư theo quy định⁽³⁾ có khoảng 970 hộ, cơ sở hộ chăn nuôi; Trong đó: 931 hộ chăn nuôi nông hộ; 39 hộ chăn nuôi trang trại quy mô vừa và chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ.

Các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn phần lớn đều có chuồng trại, một số ít hộ có thực hiện các biện pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi bằng các phương pháp nhiệt sinh học, bể biogas, đệm lót sinh học...; còn lại phần lớn chất thải chăn nuôi được thải trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước... đã ảnh hưởng đến sinh hoạt, đời sống của cộng đồng dân cư; một số hộ chăn nuôi không có chuồng trại thả rông gia súc, gia cầm gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm: *“Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi”*; điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi quy định: *“Vùng nuôi chim yến do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”*.

- Theo Điều 12 Luật Chăn nuôi, nghiêm cấm hành vi: Chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; trù nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

- Theo Điều 83 Luật Chăn nuôi Quy định chuyển tiếp: Các cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động thuộc khu vực không được phép chăn nuôi trước ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành (từ ngày 01 tháng 01 năm 2020) thì trong thời hạn là 05 năm kể từ ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp.

Việc ban hành chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum là cần thiết và phù hợp theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

⁽³⁾ Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Đối với đô thị loại I trực thuộc tỉnh: quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 500.000 người trở lên; khu vực nội thành đạt từ 200.000 người trở lên (theo điểm b khoản 2 Điều 4); Đối với đô thị loại II: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 200.000 người trở lên; khu vực nội thành đạt từ 100.000 người trở lên (theo khoản 2 Điều 5); Đối với đô thị Loại III: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 100.000 người trở lên; khu vực nội thành, nội thị đạt từ 50.000 người trở lên (theo khoản 2 Điều 6). Đối với đô thị loại IV thuộc huyện: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 50.000 người trở lên; khu vực nội thị (nếu có) đạt từ 20.000 người trở lên. (theo khoản 2, Điều 7); Đối với đô thị loại V thuộc huyện: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 4.000 người trở lên. (theo Khoản 2, Điều 8).

a) Mục tiêu tổng thể

Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum; quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum để khôi phục sản xuất chăn nuôi hoặc chuyển đổi ngành nghề, ổn định đời sống.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi của tỉnh phát triển ổn định, bền vững; hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường do hoạt động chăn nuôi gây ra tại khu vực dân cư, nội thành, nội thị trên địa bàn tỉnh.

- Nhằm thực thi Luật Chăn nuôi có hiệu quả; trong đó tập trung vào việc hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư, khu vực thuộc nội thành, nội thị không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Xác định địa điểm, vị trí để di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư, khu vực thuộc nội thành, nội thị phải phù hợp theo quy định của pháp luật về chăn nuôi và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, thực tiễn sản xuất chăn nuôi trên địa bàn.

- Thực hiện theo các chính sách của Trung ương (nếu có); các cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời được nhận hỗ trợ từ ngân sách của địa phương để di dời đến địa điểm mới hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi.

- Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi nhằm hỗ trợ cho các cơ sở có di dời khôi phục sản xuất chăn nuôi hoặc chuyển đổi ngành nghề, ổn định đời sống.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi⁽⁴⁾.

a) Xác định vấn đề bất cập

Theo báo cáo, rà soát thống kê của các huyện, thành phố Kon Tum: trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư theo quy định⁽⁵⁾ có khoảng 970 hộ, cơ sở hộ chăn nuôi; trong đó: 931 hộ, 39 cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ; không có chăn nuôi trang trại quy mô lớn trong khu vực này.

⁽⁴⁾ Chính sách 1, Chính sách 2, thực hiện theo Công văn số 1394/STP-XDKTr&TDTTHPL ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum.

⁽⁵⁾ Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Đối với đô thị loại I trực thuộc tỉnh: quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 500.000 người trở lên; khu vực nội thành đạt từ 200.000 người trở lên (theo điểm b khoản 2 Điều 4); Đối với đô thị loại II: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 200.000 người trở lên; khu vực nội thành đạt từ 100.000 người trở lên (theo khoản 2 Điều 5); Đối với đô thị Loại III: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 100.000 người trở lên; khu vực nội thành, nội thị đạt từ 50.000 người trở lên (theo khoản 2 Điều 6). Đối với đô thị loại IV thuộc huyện: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 50.000 người trở lên; khu vực nội thị (nếu có) đạt từ 20.000 người trở lên. (theo khoản 2, Điều 7); Đối với đô thị loại V thuộc huyện: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 4.000 người trở lên. (theo Khoản 2, Điều 8).

Phần lớn chăn nuôi nông hộ có chuồng trại tạm hoặc chưa có chuồng trại; thả rông gia súc; chất thải chưa xử lý, thải trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước... đã ảnh đến sinh hoạt, đời sống của cộng đồng dân cư. Có một số cơ sở chăn nuôi đã xây dựng chuồng trại kiên cố, có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi bằng bể biogas, đệm lót sinh học....;

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: về quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

c.1. Giải pháp thứ nhất: Theo Điều 12 Luật Chăn nuôi, nghiêm cấm hành vi: Chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

c.1.1. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

c.1.1.1. Tác động tích cực

- Tác động về kinh tế: hình thành các vùng chăn nuôi với quy mô phù hợp (*chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, chăn nuôi trang trại quy mô vừa, chăn nuôi trang trại quy mô lớn*) gắn với liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị và bảo vệ môi trường, tạo điều kiện phát triển kinh tế của địa phương.

- Tác động về xã hội của chính sách: tạo nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động trong các cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, chăn nuôi trang trại quy mô vừa, chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

- Tác động về giới của chính sách: quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi sẽ giúp cả nam giới và nữ giới được hỗ trợ chuyển đổi việc làm, từ đó thay đổi nhận thức, nâng cao vị thế xã hội khi chuyển qua hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực khác.

- Tác động của thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi sẽ thực hiện đảm bảo việc thực thi pháp luật.

c.1.1.2 Tác động tiêu cực của chính sách

Việc nghiêm cấm chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị trấn, khu dân cư; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến nguồn thu nhập của một số cơ sở chăn nuôi.

c.2. Giải pháp thứ hai: Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

* Thành phố Kon Tum

- Phường Quyết Thắng (toàn bộ);
- Phường Quang Trung: Khu dân cư thuộc các Tổ: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12;
- Phường Thống Nhất: Tổ 1: Khu dân cư thuộc tuyến đường Nguyễn Huệ, Ngô Quyền, Nguyễn Trãi; Tổ 2: Khu dân cư thuộc tuyến đường Nguyễn Huệ, Hoàng Diệu, Ngô Quyền, Lý Thái Tổ, Kapakơlong; Tổ 3: Khu dân cư thuộc tuyến đường Trần Hưng Đạo, Lý Tự Trọng; Tổ 4: Khu dân cư thuộc tuyến đường Đào Duy Từ, Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền; Tổ 5: Khu dân cư thuộc tuyến đường Trần Hưng Đạo, Triệu Việt Vương, Ngô Quyền; Tổ 6: Khu dân cư thuộc tuyến đường Trần Phú, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Đình Chiểu;
- Phường Thắng Lợi: Toàn bộ các tổ 1, 2, 3, 5, 6, 7;
- Phường Lê Lợi: các Tổ: 1, 2, 3; Thôn Plei Rohai 2: Từ mặt đường vào 30m các khu dân cư thuộc tuyến đường: Ngô Đức Kế (đoạn từ đường Đồng Nai đến đường Ngô Văn Sở); Đường Lê Thị Hồng Gấm (Đoạn từ đường Đồng Nai đến đường Nguyễn Tri Phương) đường NguyễnThái Bình (đoạn từ đường Đồng Nai đến đường Nguyễn Tri Phương), đường Nguyễn Lương Bằng (Đoạn từ đường Đồng Nai đến đường Nguyễn Tri Phương);
- Phường Trường Chinh: các Tổ 1, 2, 3, 4, 5; Khu dân cư thuộc tuyến đường Duy Tân, thôn Kon Tu II; Khu dân cư thuộc tuyến đường Trần Văn Hai, thôn Sơ Lam II;
- Phường Duy Tân: các Tổ 4, 5, 6, 7, 8, 9;
- Phường Trần Hưng Đạo: Khu dân cư thuộc tuyến đường Phạm Văn Đồng thuộc Tổ 3,4,5;
- Phường Ngô Mây: Khu dân cư thuộc tuyến đường Nguyễn Nhạc thuộc Tổ dân phố 1; Khu dân cư thuộc tuyến đường Nguyễn Hữu Thọ thuộc Tổ dân phố 1 và Tổ dân phố 2; Khu dân cư thuộc tuyến đường Phan Đình Phùng thuộc Tổ dân phố 2 và Tổ dân phố 3; Khu dân cư thuộc tuyến đường Nguyễn Phan Vinh thuộc Tổ dân phố 1; Khu dân cư thuộc tuyến đường Bùi Công Trừng thuộc Tổ dân phố 3; Khu dân cư tuyến Đường Tôn Đức Thắng thuộc thôn Thanh Trung”.
- Phường Nguyễn Trãi: Từ mặt đường vào 30m đối với các khu dân cư: Khu dân cư dọc tuyến đường Nguyễn Văn Linh, thuộc Tổ dân phố 1,2,3,4 (đoạn từ đường Trần Đại Nghĩa đến Cầu Đăk Tía); Khu dân cư dọc tuyến đường Tôn Đản, thuộc Tổ dân phố 1 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Phan Văn Viêm); Khu dân cư dọc tuyến đường Lương Thế Vinh thuộc Tổ dân phố 1,2 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Phan Văn Viêm); Khu dân cư dọc tuyến đường Mai Xuân Thưởng thuộc Tổ dân phố 2,3 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Phan Văn Viêm); Khu dân cư dọc tuyến đường Hồ Quý Ly, thuộc Tổ dân phố 3 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Phan Văn Viêm); Khu dân cư, thuộc Tổ dân phố 3, 4 (dọc tuyến đường Nguyễn Văn Linh

đến hẻm 21 đường Đặng Tất); Khu dân cư, thuộc Tổ dân phố 4 (dọc tuyến đường Trương Vĩnh Ký); Khu dân cư phía bắc dọc tuyến đường Phan Văn Viêm, thuộc Tổ dân phố 1, 2, 3 (đoạn từ đường Tôn Đản đến đường Đặng Tất).

* Huyện Đắk Hà: Khu dân cư các Tổ dân phố 1, 2A, 2B, 3, 4A, 4B, 5, 6, 7, 8, 10, thôn Kon Trang Long Loi thuộc thị trấn Đắk Hà.

* Huyện Sa Thầy: Toàn bộ khu dân cư các thôn 1, 2; thôn 3: khu dân cư thuộc tuyến đường Trần Hưng Đạo và Lê Hồng Phong; thôn 4: khu dân cư thuộc tuyến đường Hàm Nghi, Lê Duẩn, Phan Bội Châu thuộc thị trấn Sa Thầy.

* Huyện Đắk Tô: Khu dân cư tại các tổ của các khối trên địa bàn thị trấn Đắk Tô: Khu dân cư Tổ 6 thuộc Khối 1; Khu dân cư các Tổ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 thuộc Khối 2; Khu dân cư các Tổ 2, 3, 4, 5, 6 thuộc Khối 3; Khu dân cư các Tổ 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 thuộc Khối 4; Khu dân cư các Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc Khối 5; Khu dân cư các Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc Khối 6; Khu dân cư các Tổ 7, 8 thuộc Khối 7; Khu dân cư các Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc Khối 8; Khu dân cư các Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc Khối 9; Khu dân cư các Tổ 1, 2, 3, 4, 5 thuộc Khối 10; Khu dân cư các Tổ 7, 8 thuộc Thôn Đắk Rao Lớn thuộc TTr Đắk Tô.

* Huyện Kon Rẫy: Khu dân cư các thôn 1, 2, 3, 4, 5, 9 thuộc thị trấn Đắk Rơ Ve; Khu dân cư các thôn 1, 2 thuộc xã Tân Lập; Khu dân cư các thôn 8, 9, 10,13 thuộc xã Đắk Ruồng.

* Huyện Ngọc Hồi: Khu dân cư các Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 thuộc thị trấn Plei Kần.

* Huyện Đắk Glei: Khu dân cư các Tổ dân phố Đắk Xanh, 16/5, Đắk Ra, Đông Sông, Đắk Dung thuộc thị trấn Đắk Glei.

* Huyện Kon Plông: Khu dân cư các Tổ dân phố 1, 2, 3, 4 thuộc thị trấn Măng Đen.

* Huyện Tu Mơ Rông: Khu dân cư các thôn Ngọc Leng, thôn Tu Mơ Rông, thôn Mô Pả thuộc xã Đắk Hà dọc hai bên tuyến Quốc lộ 40B từ km 162+900 đến km 179 + 200 (Dọc tuyến Quốc lộ 40B từ km 162+900 thuộc thôn Ngọc Leng, từ km 174+400 đến km 177+601 thuộc thôn Tu Mơ Rông, từ Km 179+200 thuộc thôn Mô Pả xã Đắk Hà).

* Huyện Ia H'Drai: Khu dân cư thôn 1, xã Ia Tơ hai bên dọc tuyến đường Quốc lộ 14C (khu trung tâm hành chính huyện) từ km 86+200 đến km 88+600.

c.2.1. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

c.2.1.1. Tác động tích cực của chính sách

- Tác động về kinh tế: quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi với quy mô phù hợp, góp phần phát triển kinh tế và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Tác động về xã hội của chính sách: giải quyết được việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định, bền vững, hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư và đảm bảo về an sinh xã hội.

- Tác động về giới của chính sách: quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi sẽ giúp cả nam giới và nữ giới được hỗ trợ chuyển đổi việc làm, từ đó thay đổi nhận thức, nâng cao vị thế xã hội khi chuyển qua hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực khác.

- Tác động của thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi sẽ thực hiện đảm bảo việc thực thi pháp luật. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum phải ngừng hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

c.2.1.2. Tác động tiêu cực của chính sách

- Việc quy định trong khu vực nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, việc làm, đời sống, thu nhập... của các cơ sở chăn nuôi (*trong thời gian thực hiện việc di dời, chưa ổn định sản xuất*).

- Về tháo dỡ chuồng trại, hệ thống xử lý chất thải... sẽ ảnh hưởng về kinh tế của các cơ sở chăn nuôi.

d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Đề xuất lựa chọn giải pháp 2 với các lý do như sau:

- Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi sẽ tạo điều kiện cho các cơ sở chăn nuôi đầu tư phát triển chăn nuôi với quy mô phù hợp, hạn chế ô nhiễm môi trường, góp phần phát triển kinh tế xã hội.

- Tạo điều kiện giải quyết việc làm, nguồn thu nhập ổn định, bền vững và đảm bảo về an sinh xã hội.

2. Chính sách 2: Vùng nuôi chim yến

a) Xác định vấn đề bất cập

Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh Kon Tum việc xây dựng Nhà yến và dẫn dụ, gây nuôi chim yến ...phát triển với hình thức tự phát theo quy mô gia đình trong khu vực nội thành, nội thị, đông dân cư đã và đang ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng; quy định vùng nuôi chim yến tạo điều kiện phát triển nghề nuôi chim yến nhằm khai thác lợi thế về tiềm năng của đối tượng vật nuôi mới, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nuôi và phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và không gây ảnh hưởng nhiều đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định vùng nuôi chim yến nhằm đảm bảo phù hợp tập tính hoạt động của chim yến, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và không ảnh hưởng đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

c.1 Giải pháp thứ nhất: Quy định vùng nuôi chim yến phù hợp theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chăn nuôi.

c.1.1 Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

c.1.1.1 Tác động tích cực của chính sách.

- Tác động về kinh tế: tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào phát triển nghề nuôi yến cung cấp cho thị trường những sản phẩm có giá trị cao về dinh dưỡng, giải quyết việc làm, góp phần đa dạng các sản phẩm vật nuôi, mang lại thu nhập cao cho người nuôi và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tác động về xã hội của chính sách: giải quyết về việc làm và ổn định về thu nhập cho người nuôi chim yến.

- Tác động về giới của chính sách: việc quy định vùng nuôi chim yến sẽ tác động tích cực đến cả nam giới và nữ giới thông qua việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cơ sở nuôi yến ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người nuôi, giúp an sinh xã hội và xóa đói, giảm nghèo tại các khu vực có lợi thế về diện tích mặt nước lớn, thuận lợi để yến sinh sống và phát triển.

- Tác động của thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: việc quy định vùng nuôi chim yến sẽ tác động tích cực đến việc thực thi pháp luật, tạo điều kiện phát triển nghề nuôi yến và bảo vệ môi trường.

c.1.1.2 Tác động tiêu cực của chính sách.

Việc quy định vùng nuôi chim yến sẽ có nhiều cơ sở chăn nuôi bị ảnh hưởng về đầu tư phát triển nuôi yến và thu nhập của cơ sở.

c.2 Giải pháp thứ hai: Đối với các cơ sở nuôi chim yến đang hoạt động nằm trong khu vực nội thành, nội thị, đông dân cư không được phép chăn nuôi.

c.2.1 Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

c.2.1.1 Tác động tích cực của chính sách.

- Tác động về kinh tế: các cơ sở nuôi chim yến (nhà yến) được xây dựng kiên cố, đầu tư máy móc, trang thiết bị ..., Nghề nuôi yến cho thu nhập cao, giải quyết việc làm, thu nhập của người chăn nuôi.

- Tác động về xã hội của chính sách: tạo việc làm, giúp người chăn nuôi ổn định về thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội.

- Tác động về giới của chính sách: việc quy định vùng nuôi chim yến sẽ tác động tích cực đến cả nam giới và nữ giới thông qua việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cơ sở nuôi yến ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người nuôi, giúp an sinh xã hội và xóa đói, giảm nghèo tại các khu vực có lợi thế về diện tích mặt nước lớn, thuận lợi để yến sinh sống và phát triển.

- Tác động của thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: việc quy định vùng nuôi chim yến sẽ tác động tích cực đến việc chấp hành pháp luật của người chăn nuôi, góp phần chăn nuôi phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

c.2.1.2 Tác động tiêu cực của chính sách

Các cơ sở nuôi yến đang hoạt động nằm trong khu vực nội thành, nội thị, đông dân cư không được phép chăn nuôi đã gây ảnh hưởng lớn đến môi trường chăn nuôi và cộng đồng dân cư về tiếng ồn; khi hiện đảm bảo các quy định là không được coi nới, mở rộng, không phát loa dẫn dụ... sẽ ảnh hưởng phát triển đàn yến, thu nhập của người nuôi yến.

d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: lựa chọn giải pháp 1

- Quy định vùng nuôi yến tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào phát triển nghề nuôi yến, giải quyết việc làm, góp phần đa dạng các sản phẩm vật nuôi, mang lại thu nhập cao cho người nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ sở nuôi chim yến được xây dựng kiên cố, đầu tư máy móc, trang thiết bị ..., vẫn được tiếp tục nuôi chim yến theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chăn nuôi.

3. Chính sách 3: Hỗ trợ khi di dời các cơ sở chăn nuôi

a) Xác định vấn đề bất cập

Hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi nếu di dời nhằm khôi phục sản xuất chăn nuôi tại các địa điểm, vị trí phù hợp theo quy định của pháp luật về chăn nuôi và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, thực tiễn sản xuất chăn nuôi trên địa bàn.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Để hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi trong việc di dời chuồng trại đến cơ sở nuôi mới, cần sự hỗ trợ một phần kinh phí để khuyến khích các cơ sở chăn nuôi tiếp tục duy trì chăn nuôi và phát triển sản xuất.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

c.1 Giải pháp 1: Hỗ trợ kinh phí để di dời các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị trấn, khu dân cư ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, với mức hỗ trợ:

- Di chuyển trong phạm vi huyện, thành phố hoặc di chuyển về phần đất còn lại thì được hỗ trợ 4.000.000 đồng;

- Di chuyển ra ngoài huyện có địa giới hành chính giáp ranh với huyện, thành phố thì được hỗ trợ 5.000.000 đồng.

c.1.1 Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

c.1.1.1 Tác động tích cực

- Tác động về kinh tế: Khi hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi (*chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, chăn nuôi trang trại quy mô vừa, chăn nuôi trang trại quy mô lớn*) ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, hạn chế việc lây nhiễm bệnh từ động vật sang người; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong khu vực không được phép chăn nuôi, tạo điều kiện phát triển chăn nuôi bền vững và phát triển kinh tế của địa phương.

- Tác động về xã hội của chính sách: tạo nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động trong các cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, chăn nuôi trang trại quy mô vừa, chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

- Tác động về giới của chính sách: Khi hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi sẽ không tác động về giới vì nam giới hoặc nữ giới đều được thụ hưởng chính sách như nhau.

- Tác động của thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Khi hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi (*chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, chăn nuôi trang trại quy mô vừa, chăn nuôi trang trại quy mô lớn*) ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi sẽ thực hiện đảm bảo việc thực thi pháp luật.

c.1.1.2 Tác động tiêu cực của chính sách

- Khi hỗ trợ kinh phí để di dời các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi (*chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, chăn nuôi trang trại quy mô vừa, chăn nuôi trang trại quy mô lớn*) ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi cần lượng lớn kinh phí để thực hiện chính sách này.

c.2. Giải pháp 2: Hỗ trợ kinh phí để di dời các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị trấn, khu dân cư ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, với mức hỗ trợ⁽⁶⁾:

⁽⁶⁾ Áp dụng mức hỗ trợ theo quy định Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cho tất cả các cơ sở chăn nuôi không phân theo quy mô chăn nuôi; Quyết định 546/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về phê duyệt và ban hành hồ sơ thiết kế mẫu nhà tiêu hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh (quy mô dành cho hộ gia đình) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Chăn nuôi nông hộ : 5.000.000đ/hộ.
- Trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ và vừa : 10.000.000đ/cơ sở.
- Trang trại chăn nuôi quy mô lớn : 20.000.000đ/cơ sở.

c.2.1 Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

c.2.1.1 Tác động tích cực của chính sách

- Tác động về kinh tế: hiện nay, ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đang chuyển dịch từ phương thức chăn nuôi nông hộ sang chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, vừa và lớn; các mô hình chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, chăn nuôi hữu cơ... theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với liên kết chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, góp phần nâng cao tỷ trọng của ngành nông nghiệp.

- Tác động về xã hội của chính sách: tạo việc làm, giúp người chăn nuôi ổn định về thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội.

- Tác động về giới của chính sách: việc Hỗ trợ khôi phục sản xuất chăn nuôi cho các cơ sở có di dời sẽ tác động tích cực đến cả hai giới (nam và nữ) nhằm hỗ trợ một phần kinh phí để ổn định đời sống, phát triển kinh tế trong thời gian di dời đến địa điểm mới hoặc chuyển sang kinh doanh ngành nghề khác hay dừng chăn nuôi.

- Tác động của thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: việc hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép để khôi phục sản xuất chăn nuôi di chuyển đến địa điểm, vị trí phù hợp theo quy định của pháp luật về chăn nuôi và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, thực tiễn sản xuất chăn nuôi trên địa bàn theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ tác động tích cực đến việc chấp hành pháp luật của người chăn nuôi, củng cố thêm niềm tin vào sự quan tâm của Nhà nước đối với người chăn nuôi, động viên họ tích cực tham gia nhằm đảm bảo việc thực thi pháp luật và góp phần bảo vệ môi trường chăn nuôi phát triển bền vững.

b) Tác động tiêu cực của chính sách

- Việc di dời các cơ sở chăn nuôi trong khu vực nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi sẽ có nhiều hộ chăn nuôi bị ảnh hưởng đến sinh kế (*sản xuất, việc làm, đời sống, thu nhập...*) và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội của địa phương như: giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề, thu nhập ngân sách, về bố trí đất để di dời các hộ có nhu cầu phát triển chăn nuôi...

- Việc hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi sẽ ảnh hưởng đến kinh tế như: cơ sở hạ tầng phục vụ chăn nuôi (*chuồng trại chăn nuôi bị dỡ bỏ, hệ thống xử lý chất thải...*) cần nguồn kinh phí để di dời các cơ sở chăn nuôi, xây dựng mới cơ sở hạ tầng phục vụ cho chăn nuôi tại khu vực được bố trí. Do vậy, bên cạnh sự hỗ trợ của nhà nước, vốn tự có của nhân dân, vốn vay của các ngân hàng để thực thi chính sách.

- Việc xây dựng các nội dung hỗ trợ về kinh phí, an sinh xã hội chỉ áp dụng đối với các quy định của pháp luật hiện hành, không đáp được nhu cầu về khôi phục sản xuất của các đối tượng bị tác động.

d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2: Hỗ trợ kinh phí di dời cho cơ sở chăn nuôi (nông hộ và trang trại) là áp dụng tiệm cận với kinh phí xây dựng chuồng trại theo Quyết định 546/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt và ban hành hồ sơ thiết kế mẫu nhà tiêu hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

- Cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lấy ý kiến của các sở, ban ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan; Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Kon Tum website: <http://www.kontum.gov.vn>.

- Cấp huyện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Ngoài ra, đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện): Ngoài ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi tại địa phương mình như các trang trại chăn nuôi, các hộ chăn nuôi trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, trong đó quy định đối tượng, điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ;

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chi tiết việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và giao nhiệm vụ cho các Sở ngành, địa phương liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Nghị quyết “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 4 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.NLTA.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Tuấn